



VĂN
ききます (聞きます)

nghe, hỏi

“**Kỳ kỳ mà**” **nghe** hoài
không hiểu, phải hỏi lại.



HỒI
まわします (回します)

xoay

“Màu mà xịt” ra khi
xoay bình xịt nhằm chiều.



DẪN

ひきます (引きます)

kéo

“Hi kia” đang kéo
dây buộc chặt cửa sổ.



BIẾN
かえます (変えます)

thay đổi

“**Cài em**” mật khẩu mới
để **thay đổi** tài khoản.



xúc
さわります (触ります)

chạm vào

“**Xa quá rít**” tay nên
không dám **chạm vào** bức tượng.



XUẤT

でます (出ます)

ra, xuất hiện

“Để má” lên trước,
rồi mới ra sân khấu.



BỘ

あるきます (歩きます)

đi bộ

“Ở rừng kỳ” ghê,
phải **đi bộ** qua cho nhanh.



ĐỘ
わたります (渡ります)

băng qua

“Qua ta đi mà” nói
khi muốn **băng qua** đường



KHÚC

まがります (曲がります)

rẽ, queo

“Má gà đi ra mít”
rồi rẽ ngay góc đường!



Bản quyền thuộc về iKoro

TỊCH

さびしい (寂しい)

cô đơn, buồn

“**Xa bị xì**”, ở một mình
cảm thấy **cô đơn** quá.



THANG

おゆ (お湯)

nước nóng

“Ô dư” nước để
nấu **nước nóng** pha mì.



ÂM
おと (音)

âm thanh

“Ô tô” chạy qua
gây ra **âm thanh** lớn.



サイズ

cỡ, kích thước

“**Sai dư**” cỡ áo
nên mặc không vừa.



CỔ CHƯƠNG

こしょう (故障)

hỏng

“Cô sầu” vì xe
bị **hỏng** giữa đường.



ĐẠO

みち (道)

đường, con đường

“Mì chín” xong rồi,
nhưng lạc **đường** nên về trễ.



GIAO SOA ĐIỂM

こうさてん (交差点)

ngã tư

“**Cô xa tên**” đường
nên bị lạc ở **ngã tư**.



TÍN HIỆU

しんごう (信号)

đèn tín hiệu

“**Xin** gô” qua đèn đỏ,
vì không thấy **đèn tín hiệu**.



GIÁC
かど (角)

góc

“Cá độ” ở góc phố
thì dễ bị bắt lắm.



KIỀU
はし (橋)

cầu

“Hà xí” qua **cầu** thấy gió lạnh.



ちゅうしゃじょう (駐車場)
TRÚ XA TRÀNG

bãi đỗ xe

“Chú sợ vô”
bãi đỗ xe vì xe chật quá.



KIẾN VẬT

たてもの (建物)

tòa nhà

“Tất tē mô nô”
trong **toà nhà** lạnh quá.



HÀ HỒI

なんかいも (何回も)

nhiều lần

“**Nằm cái mớ**” nhiều lần
rồi mà không dậy nổi.



MỤC

め (目)

mắt

“**Mê**” nhìn lâu quá mới cả **mắt**.



しょうとくたいし

Thái tử Shoutoku

“Sâu tốt cực tai xí” là
Thái tử Shotoku nổi tiếng thông thái.



ほうりゅうじ

chùa Hōryūji

“**Hô rử đi**” đi tham quan
chùa **Hōryūji** cổ kính.



げんきちや

trà Genki (trà năng lượng)

“**Ghen kì chà**” vì bạn
uống **trà Genki** khoẻ quá!



ほんだえき

ga Honda

“Hôn đã ê kì” tại
sân ga **Honda** lúc chia tay.



としょかんまえ

trước thư viện

“Tô sô căng mà ê” khi đứng
trước thư viện chờ mở cửa.